

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

I. Giới thiệu về dự án và gói thầu

1. Giới thiệu về dự án:

1.1. Tên công trình: Sửa chữa Trụ sở Agribank Chi nhánh Hải Đông Hải Dương.

1.2. Loại, cấp công trình: Công trình dân dụng, cấp III.

1.3. Nguồn vốn đầu tư: Vốn nhà nước ngoài đầu tư công dành cho mua sắm CCDC, sửa chữa tài sản của Agribank

1.4. Địa điểm xây dựng: Số 6A đường Lê Thanh Nghị, khu dân cư số 10, phường Lê Thanh Nghị, thành phố Hải Phòng.

1.5. Quy mô xây dựng.

Sửa chữa Trụ sở Agribank CN Hải Đông Hải Dương 4 tầng

a. Phần kiến trúc:

- Tháo dỡ lớp nền mái sảnh tầng 2, ban công tầng 3. Phủ lưới thủy tinh chống thấm và làm lại nền mới, lát lại bằng gạch đỏ kích thước 300x300mm. Tháo dỡ lớp vữa lớp chống thấm rãnh nước ban công tầng 4, phủ lưới thủy tinh chống thấm và láng lại bằng VXM mác 75. Cải tạo hệ thống thu thoát nước.

- Phá bỏ một phần tường chắn mái, tháo dỡ hệ thống mái tôn cũ. Làm lại hệ thống mái tôn mới thu nước về 1 hướng.

- Làm lại nền khu vực téc nước, phủ lưới thủy tinh chống thấm và lát lại bằng gạch đỏ cotto kích thước 300x300 mm.

- Xây gờ, phủ lưới thủy tinh chống thấm mái tầng tum. Láng lại bằng VXM mác 75 dày 30mm tạo dốc về ống thoát nước.

- Cải tạo lại ram dốc, bồn cây sảnh. Đổ lại đá granito ram dốc.

- Phá dỡ tường ngăn hiện trạng, sàn, gạch ốp tường wc tầng 3,4. Chống thấm bằng sika, lát lại sàn bằng gạch ceramic 300x300. Tường ốp gạch ceramic 300x600. Thay thế toàn bộ thiết bị vệ sinh bằng thiết bị mới. Làm mới vách ngăn compact chống ẩm.

- Tróc trát lại toàn bộ mặt ngoài của công trình, trát lại bằng VXM mác 75 và sơn hoàn thiện 3 nước. Thay thế đá ốp mặt tiền mới. Tróc trát bên trong phòng phó giám đốc tầng 1, một phần mặt tường khu vực phòng họp tầng 4 và một số mảng tường bên trong. Cạo bỏ lớp sơn cũ sơn lại một số phòng bên trong.

- Tháo dỡ hệ thống trần thạch cao và thiết bị chiếu sáng hiện trạng, thay mới lại hệ thống trần và hệ thống chiếu sáng mới tại khu vực giao dịch tầng 1, 2.

- Tháo dỡ hệ thống trần sảnh tầng 1, thay thế bằng trần thạch cao và đi lại hệ thống đèn chiếu sáng.

- Tháo dỡ và làm lại mới trần thạch cao phòng họp và hành lang khu vực tầng 4.

- Tháo dỡ lan can khu vực ban công tầng 3 làm lại bằng lan can inox 304.
- Vít một số cửa bên ngoài. Tháo dỡ hệ thống cửa ngoài nhà cũ thay bằng hệ thống cửa nhôm hệ mới. Phá dỡ tường, cải tạo lại cửa sổ lấy sáng khu vực thang bộ, làm hèm cửa 4 góc tất cả các cửa sổ.

b. Phần cải tạo điện:

Thay thế hệ thống bóng đèn chiếu sáng tầng 1, 2 bằng hệ đèn led Panel 600x600. Đi lại hệ thống dây, MCB cấp điện chiếu sáng mới.

- Thay thế hệ thống chiếu sáng cũ ở sảnh bằng hệ thống bóng downlight mới, đi lại hệ thống dây, MCB cấp điện.
- Thay thế hệ thống chiếu sáng nhà vệ sinh tầng 3,4.
- Thay thế hệ thống chiếu sáng phòng họp tầng 4 cũ bằng hệ thống đèn led dây, led downlight mới. Đi lại hệ thống dây cấp, MCB.
- Thay thế một số MCCC, tủ điện đã xuống cấp.
- Đi máng cáp thép sơn tĩnh điện để gom dây ngoài nhà.

2. Phạm vi công việc của gói thầu: Thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị các hạng mục: Sửa chữa Trụ sở Agribank CN Hải Đông Hải Dương.

3. Thời hạn hoàn thành: Tối đa 90 ngày kể từ khởi công

II. Yêu cầu về tiến độ thực hiện

- Thời gian từ khi khởi công đến khi hoàn thành hợp đồng là 90 ngày.
- Nhà thầu phải khởi công chậm nhất là 03 ngày kể từ ngày có lệnh khởi công của Chủ đầu tư.
- Có tiến độ thi công chi tiết tới từng công việc trong hạng mục công việc, bảng tiến độ lập theo sơ đồ ngang, trong đó thể hiện rõ các mốc thời gian cho các giai đoạn thi công: Thi công phá dỡ; cải tạo từng tầng.
- Tiến độ phải thể hiện được các điểm dừng kỹ thuật.
- Có biểu đồ nhân lực phù hợp với tiến độ thi công từng hạng mục công việc.

III. Yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật

1. Các quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn áp dụng cho công trình:

| Stt | Tên tiêu chuẩn, quy chuẩn | Mã hiệu |
|------------|--|--------------------|
| 1 | Quy chuẩn, tiêu chuẩn chung | |
| - | Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Nhà ở và công trình công cộng - An toàn sinh mạng và sức khỏe | QCXDVN 05-2008/BXD |
| - | Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về An toàn trong thi công xây dựng | QCVN 18:2021/BXD |
| - | Nhà ở và công trình công cộng, nguyên tắc cơ bản để thiết kế, tiêu chuẩn thiết kế | TCVN 4319:2012 |

| Stt | Tên tiêu chuẩn, quy chuẩn | Mã hiệu |
|------------|--|--------------------|
| - | Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật | QCVN 07:2023/BXD |
| - | Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Các công trình hạ tầng kỹ thuật Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về “Hệ thống điện của nhà ở và nhà công cộng” | QCVN 12:2014/BXD |
| - | Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn điện cho thiết bị đầu cuối kết nối mạng viễn thông và công nghệ thông tin ICT | QCVN 22:2021/BTTTT |
| - | Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng | QCVN 16:2017/BXD |
| 2 | Tổ chức thi công và nghiệm thu chung | |
| - | Tiêu chuẩn về tổ chức thi công | TCVN 4055-2012 |
| - | Bàn giao công trình xây dựng - Nguyên tắc cơ bản. | TCVN 5640 - 1991 |
| 3 | Công tác thiết kế, xây và hoàn thiện trong xây dựng | |
| - | Tải trọng và tác động - Tiêu chuẩn thiết kế | TCVN 2737: 2023 |
| - | Bản vẽ thi công kết cấu bê tông và bê tông cốt thép | TCVN 5572: 2012 |
| - | Kết cấu gạch đá và gạch đá cốt thép | TCVN 5573: 2011 |
| - | Kết cấu bê tông cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế | TCVN 5574 - 2018 |
| - | Kết cấu thép - Tiêu chuẩn thiết kế | TCVN 5575: 2012 |
| - | Cửa đi, cửa sổ - Phần 2 - Cửa kim loại | TCN 9366-2: 2012 |
| - | Quy phạm thi công và nghiệm thu: Kết cấu gạch đá | TCVN 4085 - 2011 |
| - | Hướng dẫn pha trộn và sử dụng vữa trong xây dựng | TCVN 4459:1987 |
| - | Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép toàn khối. Quy phạm thi công và nghiệm thu. | TCVN 4453:1995 |
| - | Công tác hoàn thiện trong xây dựng - Thi công và nghiệm thu. Phần 1 : Công tác lát và láng trong xây dựng | TCVN 9377-1:2012 |
| - | Công tác hoàn thiện trong xây dựng - Thi công và nghiệm thu - Phần 2: Công tác trát trong xây dựng | TCVN 9377-2:2012 |
| - | Công tác hoàn thiện trong xây dựng - Thi công và nghiệm thu - Phần 3: Công tác ốp trong xây dựng | TCVN 9377-3:2012 |
| - | Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép lắp ghép - Thi công và nghiệm thu | TCVN 9115:2019 |
| - | Mái và sàn bê tông cốt thép trong công trình xây dựng. Yêu cầu kỹ thuật chống thấm nước. | TCVN 5718:1993 |
| - | Kết cấu thép - Thi công và nghiệm thu | TCVN 170:2007 |
| 4 | Công tác điện, nước, chống sét, điều hòa | |
| - | Chiếu sáng nhân tạo trong công trình dân dụng | TCVN 16-1986 |

| Stt | Tên tiêu chuẩn, quy chuẩn | Mã hiệu |
|------------|--|------------------|
| - | Chiếu sáng nơi làm việc | TCVN 7114-1:2008 |
| - | Lắp đặt thiết bị điện trong nhà ở và công trình công cộng | TCVN 9206:2012 |
| - | Lắp đặt đường dẫn điện trong nhà và công trình công cộng - Tiêu chuẩn thiết kế | TCVN 9207:2012 |
| - | Quy phạm trang bị điện | TC 11TCN:2006 |
| - | Hệ thống cấp thoát nước bên trong nhà và công trình. Quy phạm thi công và nghiệm thu | TCVN 4519:1988 |
| - | Các mối nối tiếp xúc điện. Quy tắc nghiệm thu và PP thử | TCVN 3624:1981 |
| - | Chống sét cho công trình xây dựng- Hướng dẫn thiết kế, kiểm tra và bảo trì hệ thống | TCVN 9385:2012 |
| - | Chống sét cho công trình xây dựng | TCVN 9888-1:2013 |
| - | Cấp nước bên trong - Tiêu chuẩn thiết kế | TCVN 4513 - 88 |
| - | Thoát nước bên trong - Tiêu chuẩn thiết kế | TCVN 4474 - 87 |
| - | Thoát nước - Mạng lưới và công trình bên ngoài – Yêu cầu thiết kế | TCVN 7957:2023 |
| - | Cấp nước - Mạng lưới đường ống và công trình - Tiêu chuẩn thiết kế | TCXDVN 33:2006 |
| - | Hệ thống thông gió, điều hòa không khí và cấp lạnh. Chế tạo lắp đặt và nghiệm thu | TCVN 232:1999 |
| - | Thông gió - Điều hòa không khí - Tiêu chuẩn thiết kế | TCVN 5687:2024 |
| - | Thiết bị đầu cuối kết nối vào mạng viễn thông công cộng | TCVN 8240:2009 |
| 5 | Các tiêu chuẩn và quy phạm chuyên ngành liên quan khác | |

2. Các yêu cầu về tổ chức kỹ thuật thi công, giám sát:

a) Yêu cầu chung:

Nhà thầu phải thi công và hoàn thiện công trình và sửa chữa bất kỳ sai sót nào trong công trình theo đúng thiết kế và tuân thủ các quy trình, quy phạm xây dựng hiện hành của Việt nam cũng như phù hợp với các điều kiện riêng của công trình và theo sự chỉ dẫn của cán bộ giám sát. Bên B phải tuân thủ và làm đúng các chỉ dẫn của cán bộ giám sát về mọi vấn đề có nêu hay không nêu trong hợp đồng.

Bên B phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chất ổn định, an toàn của tất cả các hoạt động ở công trường trong suốt thời gian thi công, hoàn thiện công trình và trong giai đoạn bảo hành, bên B phải:

* Quan tâm đầy đủ đến sức khoẻ an toàn của người lao động trên công trường. Đảm bảo trật tự an toàn cho công trình không để xảy ra tình trạng nguy hiểm cho người lao động.

* Bằng mọi biện pháp hợp lý, bên B phải bảo vệ môi trường ở trong và ngoài công trường nhằm tránh gây thiệt hại về tài sản và người ở công trường và khu vực lân cận.

- Bên B phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc bảo vệ công trình, nguyên vật liệu và máy móc thiết bị đưa vào sử dụng cho việc thi công công trình kể từ ngày khởi công công trình đến ngày cấp giấy chứng nhận nghiệm thu bàn giao công trình.

- Nếu trong quá trình thực hiện hợp đồng có xảy ra bất kỳ tổn thất hay hư hỏng nào đối với công trình, người lao động, nguyên vật liệu, máy móc thiết bị thì bên B phải tự sửa chữa, bồi thường bằng chính chi phí của mình.

- Cung cấp toàn bộ nguyên vật liệu đúng yêu cầu kỹ thuật theo thiết kế đưa vào thi công công trình.

- Tổ chức thực hiện thi công công trình đạt yêu cầu kỹ thuật và theo đúng thời hạn hoàn thành công trình đã nêu trong hồ sơ dự thầu được chấp thuận.

- Cung cấp những cán bộ lãnh đạo, cán bộ kỹ thuật, trợ lý kỹ thuật lành nghề có kinh nghiệm và đủ năng lực đảm bảo thực hiện đúng dẫn và đúng thời hạn nghĩa vụ của bên B theo hợp đồng.

- Giám sát theo dõi những khối lượng do mình thực hiện ở công trường trong thời gian thi công và ngay cả trong thời gian bảo hành công trình.

- Nếu bên A nhận thấy không thể chấp nhận những đại diện của bên B mà theo ý kiến của bên A người đó có hành vi sai phạm hoặc không có năng lực hay không thực hiện đúng dẫn nhiệm vụ thì bên B không được phép cho người đó làm việc ở công trường nữa và nên thay thế càng sớm càng tốt.

- Bên B phải báo cáo các chi tiết về bất kỳ tai nạn, hư hỏng nào trong hoặc ngoài công trường. Trong trường hợp có tai nạn nghiêm trọng, hư hỏng hay chết người, bên B phải báo cáo ngay lập tức bằng các phương tiện nhanh nhất sẵn có.

- Sau khi thi công hoàn thiện công trình và trước khi nghiệm thu công trình, bên B phải thu dọn, san trả hiện trường và làm cho khu vực công trường được sạch sẽ.

- Bên B chịu trách nhiệm lập đầy đủ hồ sơ hoàn công công trình theo đúng yêu cầu của bên A và các tiêu chuẩn nghiệm thu công trình.

b) Giám sát thi công

Giám sát kỹ thuật công trình được quyền bất cứ lúc nào cũng được tiếp cận các vị trí thi công để kiểm tra công tác của Nhà thầu. Nhà thầu có trách nhiệm hỗ trợ giám sát kỹ thuật công trình trong công tác trên.

Toàn bộ vật liệu, thiết bị, bán thành phẩm sản xuất chỉ được đưa vào công trình sau khi có văn bản nghiệm thu của giám sát kỹ thuật công trình. Mọi vật liệu, thiết bị, bán thành phẩm không được giám sát kỹ thuật chấp nhận phải chuyển khỏi phạm vi công trường.

Khi phát hiện những bất hợp lý trong thiết kế thi công có thể gây tổn hại tới công trình hoặc thiệt hại vật chất cho bên mời thầu thì nhà thầu phải thông báo cho tổ chức thiết kế có biện pháp xử lý.

Mọi vật tư thay thế chất lượng tương đương phải có chứng chỉ của nhà sản xuất và phải được tổ chức thiết kế, bên mời thầu cho phép bằng văn bản mới được đưa vào công trường.

Các phần khuất của công trình trước khi lắp phải có biên bản nghiệm thu. Nếu không tuân theo những quy định trên thì mọi tổn thất phục hồi công trình do nhà thầu chịu.

Nhà thầu phải chấp nhận tạm thời đình chỉ hoặc hoãn thi công không được đòi hỏi bồi hoàn thiệt hại theo yêu cầu của giám sát thi công và bên mời thầu trong những trường hợp sau:

- Do lý do an ninh và an toàn bảo vệ môi trường
- Do nguyên nhân thời tiết khí hậu.

3. Các yêu cầu về vật tư chính đối với gói thầu:

3.1. Yêu cầu chung:

Tất cả các loại vật tư thiết bị sử dụng cho công trình phải có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, đáp ứng đầy đủ yêu cầu kỹ thuật nêu trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ thiết kế và Chủ đầu tư chỉ chấp nhận các vật tư thiết bị loại 1 (loại tốt nhất của dòng sản phẩm cùng loại).

- Nhà thầu phải kê khai đầy đủ các thông tin theo yêu cầu về vật liệu, vật tư, thiết bị/cụm thiết bị lắp đặt cho công trình theo Mẫu số 18 Chương V – Yêu cầu về kỹ thuật của E-HSMT, BMT chỉ làm rõ đối với các vật liệu, vật tư, thiết bị/cụm thiết bị do Nhà thầu có đề xuất và kê khai theo đúng Mẫu số 18 (trường hợp Nhà thầu không kê khai thông tin của vật liệu, vật tư, thiết bị/cụm thiết bị thì không được xem xét và đánh giá theo yêu cầu của E-HSMT). Tính hợp lệ của vật tư, vật liệu, thiết bị và các dịch vụ liên quan:

+ Tất cả vật tư, thiết bị và dịch vụ liên quan được cung cấp theo hợp đồng phải có xuất xứ rõ ràng, hợp pháp. Nhà thầu phải nêu rõ ký hiệu, mã hiệu, nhãn mác (nếu có) và xuất xứ của vật tư, thiết bị. Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp bằng chứng về xuất xứ của vật tư, thiết bị và tính hợp lệ của dịch vụ;

+ “Xuất xứ của vật tư, vật liệu, thiết bị” được hiểu là nước hoặc vùng lãnh thổ nơi sản xuất ra toàn bộ vật tư, thiết bị hoặc nơi thực hiện công đoạn sản xuất cơ bản cuối cùng đối với vật tư, thiết bị trong trường hợp có nhiều nước hoặc vùng lãnh thổ tham gia vào quá trình sản xuất ra vật tư, thiết bị đó;

+ Các tài liệu chứng minh về xuất xứ của vật tư, thiết bị và tính hợp lệ của dịch vụ có thể bao gồm: Chứng nhận xuất xứ, chứng nhận chất lượng, vận đơn, tài liệu kỹ thuật liên quan của vật tư thiết bị; tài liệu chứng minh tính hợp lệ của dịch vụ cung cấp cho gói thầu.

- Tất cả các sản phẩm dự kiến mua trên thị trường hoặc nhập khẩu, nhà thầu phải cung cấp tài liệu chứng minh tiêu chuẩn của sản phẩm do nhà sản xuất phát hành hoặc các tài liệu do các cơ quan chức năng cấp theo quy định hiện hành của pháp luật cho các loại vật liệu, vật tư, thiết bị/cụm thiết bị do Nhà thầu đã đề xuất (Cataloge, chứng chỉ/chứng nhận chất lượng, công bố tiêu chuẩn sản phẩm hoặc kết quả thí nghiệm, ...).

- Vật liệu, vật tư, thiết bị/cụm thiết bị phải mới 100%, sản xuất từ năm 2025 và sản phẩm phải được sử dụng rộng rãi trên thị trường Việt nam.

- Phụ kiện phải đồng bộ với vật tư, thiết bị chính, đáp ứng yêu cầu của Hồ sơ thiết kế và yêu cầu của E-HSMT.

- Đối với vật tư, thiết bị/cụm thiết bị khi vận chuyển đến công trường phải được đóng gói nguyên đai, nguyên kiện theo đúng quy định của nhà sản xuất.

- Đối với vật tư, thiết bị/cụm thiết bị nhà thầu tự sản xuất sản phẩm hoặc liên danh, liên kết để sản xuất thì vật tư sản xuất phải đáp ứng yêu cầu của HSMT, ngoài ra tất cả sản phẩm/chi tiết sản phẩm đều phải được sản xuất tại công xưởng có các thiết bị cần thiết để sản xuất sản phẩm/chi tiết sản phẩm và phải được TVGS và CĐT nghiệm thu tại công xưởng trước khi chuyển đến lắp đặt tại công trường.

Đối với các chi tiết đặc biệt phải tiến hành chế tạo, lắp tại công trường sẽ phải được TVGS và CĐT chấp thuận.

- Đối với một số loại vật tư, vật liệu, thiết bị/cụm thiết bị ghi trong Bảng tiên lượng mời thầu hoặc trong bản vẽ ghi rõ tên, chủng loại model, hãng, nước sản xuất thì được hiểu như sau: Vật tư, vật liệu, thiết bị/cụm thiết bị chào thầu có thể là loại đã được ghi trong tiên lượng, bản vẽ hoặc là một loại khác có tiêu chuẩn kỹ thuật, tính năng kỹ thuật, mỹ thuật, kích thước tương đương với loại đó (không được sử dụng cụm từ “tương đương” khi dự thầu).

- Trong trường hợp tại thời điểm thi công, thị trường không có loại sản phẩm đã đề xuất và tính giá trong HSDT, Nhà thầu sẽ chỉ được thay đổi khi được Chủ đầu tư xem xét chấp thuận, khi đó Chủ đầu tư sẽ duyệt lại đơn giá.

- Trường hợp Nhà thầu ghi không rõ hoặc bỏ sót thông tin dẫn đến việc

không đủ cơ sở xác định hoặc dẫn đến việc hiểu sai khác khi xác định chủng loại, nhà sản xuất, mã hiệu sản phẩm, vật tư, thiết bị đã đề xuất hoặc dẫn đến việc các vật tư, thiết bị đưa vào lắp đặt không đồng bộ thì khi bị phát hiện ở bất kỳ giai đoạn nào, Nhà thầu sẽ phải thi công theo mọi sự chỉ định của Chủ đầu tư mà không được quyền yêu cầu thêm bất kỳ một khoản chi phí nào khác.

- Trường hợp có nội dung nào đó trong các tài liệu của HSMT (bao gồm các tài liệu: HSMT; Hồ sơ TKBVTC; Chỉ dẫn kỹ thuật; Thuyết minh thiết kế) do BMT cung cấp (hoặc mô tả) có sự chưa thống nhất thì Nhà thầu xác định/hiểu theo nội dung của HSMT. Trường hợp cần thiết, Nhà thầu phải có thư đề nghị BMT làm rõ theo quy định trước khi đề xuất trong HSDT. Trường hợp nhà thầu không đề nghị làm rõ mà tự đề xuất trong HSDT và trong quá trình đánh giá HSDT, nếu Tổ CGĐT của BMT đánh giá nhà thầu không đáp ứng yêu cầu của HSMT thì nhà thầu sẽ không được phép điều chỉnh.

3.2. Yêu cầu cụ thể về vật tư, vật liệu:

Mẫu số 18

| Stt | Tên vật tư, vật liệu, thiết bị/ cụm thiết bị cần đề xuất | Chủng loại tham khảo hoặc tương đương | Yêu cầu cụ thể tại Chỉ dẫn kỹ thuật | Đề xuất của Nhà thầu | | | |
|-----|--|---------------------------------------|--|---|----------------------------------|-------------------------|---------------------|
| | | | | Tên hãng sản xuất (hoặc thương hiệu)/ Ký hiệu, mã hiệu sản phẩm | Xuất xứ (Quốc gia/Vùng lãnh thổ) | Thông số kỹ thuật chính | Tài liệu chứng minh |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | Xi măng | Hoàng Thạch hoặc tương đương | Đáp ứng tiêu chuẩn tiêu chuẩn TCVN 6260:2020 | | | | |
| 2 | Cốt thép trong bê tông | Thái Nguyên hoặc tương đương | Đáp ứng tiêu chuẩn tiêu chuẩn TCVN 1651-1:2008 TCVN 1651-2:2008 TCVN 1651-3:2008 | | | | |
| 3 | Thép hộp, thép ống, thép hình, thép tấm | Hòa Phát hoặc tương đương | Đáp ứng tiêu chuẩn TCVN 6525:2018 | | | | |
| 4 | Cốt liệu sử dụng trong bê tông và vữa | Việt Nam | Đáp ứng tiêu chuẩn theo tiêu chuẩn TCVN 7570: 2006 | | | | |
| 5 | Gạch xây loại không nung | Việt Nam | Đảm bảo theo tiêu chuẩn TCVN 6477:2016 | | | | |
| 6 | Xi măng trắng | Hải Phòng hoặc tương đương | Đáp ứng theo TCVN 5691-2000 | | | | |
| 7 | Tôn mui | AUSTNAM hoặc tương đương | Đảm bảo Tiêu chuẩn TCVN 3781-83 | | | | |
| 8 | Sơn lót nội thất | Dulux hoặc tương đương | Đáp ứng tiêu chuẩn TCVN 8652:2012 | | | | |

| Stt | Tên vật tư, vật liệu, thiết bị/ cụm thiết bị cần đề xuất | Chủng loại tham khảo hoặc tương đương | Yêu cầu cụ thể tại Chỉ dẫn kỹ thuật | Đề xuất của Nhà thầu | | | |
|-----|--|---|--|---|----------------------------------|-------------------------|---------------------|
| | | | | Tên hãng sản xuất (hoặc thương hiệu)/ Ký hiệu, mã hiệu sản phẩm | Xuất xứ (Quốc gia/Vùng lãnh thổ) | Thông số kỹ thuật chính | Tài liệu chứng minh |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 9 | Sơn phủ nội thất | Dulux hoặc tương đương | Đáp ứng tiêu chuẩn TCVN 8652:2012 | | | | |
| 10 | Dây điện, cáp điện | Cadisun hoặc tương đương | Đảm bảo tiêu chuẩn TCVN 5935-1 : 2013 | | | | |
| 11 | Công tắc, ổ cắm | Sino hoặc tương đương | Đảm bảo tiêu chuẩn TCVN 6188-1:2007 | | | | |
| 12 | Aptopmat | Panasonic hoặc tương đương | Đảm bảo tiêu chuẩn TCVN 6592-2:2009 | | | | |
| 13 | Tủ đựng MCB mặt nhựa: | Sino hoặc tương đương | Tiêu chuẩn BS 5486-1; IEC 439-3; cấp độ bảo vệ IP40; mặt tủ cong, làm bằng ABS có phụ gia chống ngả màu, chống va đập; nắp che tủ làm bằng Polycarbonate, trong suốt, chống cháy, chống va đập. Vật liệu dẫn điện bằng đồng đỏ; vật liệu cách điện bằng Polyamide; thanh ray bằng nhôm định hình vĩnh cửu; hộp âm tường bằng nhựa chống cháy | | | | |
| 14 | Ống nhựa uPVC | Tiên Phong Hải Phòng hoặc tương đương | - Tuân theo tiêu chuẩn TCVN 6151: 2002, ASTM 2241, AS 1477 (tương đương ISO 4422, BS 3505); | | | | |
| 15 | Cửa đi | Nhôm PMA, kính Việt Nhật hoặc tương đương | Đảm bảo theo hồ sơ thiết kế | | | | |

| Stt | Tên vật tư, vật liệu, thiết bị/ cụm thiết bị cần đề xuất | Chủng loại tham khảo hoặc tương đương | Yêu cầu cụ thể tại Chỉ dẫn kỹ thuật | Đề xuất của Nhà thầu | | | |
|-----|--|---|-------------------------------------|---|----------------------------------|-------------------------|---------------------|
| | | | | Tên hãng sản xuất (hoặc thương hiệu)/ Ký hiệu, mã hiệu sản phẩm | Xuất xứ (Quốc gia/Vùng lãnh thổ) | Thông số kỹ thuật chính | Tài liệu chứng minh |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 16 | Cửa sổ | Nhôm PMA, kính Việt Nhật hoặc tương đương | Đảm bảo theo hồ sơ thiết kế | | | | |
| 17 | Vách kính | Nhôm PMA, kính Việt Nhật hoặc tương đương | Đảm bảo theo hồ sơ thiết kế | | | | |
| 18 | Đá granit | Việt Nam | Đáp ứng theo TCVN 4732:2016 | | | | |
| 19 | Gạch ốp lát Ceramic | Thạch Bàn hoặc tương đương | Đáp ứng theo TCVN 13113:2020 | | | | |
| 20 | Thiết bị vệ sinh | INAX hoặc tương đương | Đảm bảo theo hồ sơ thiết kế | | | | |
| 21 | Trần thạch cao | Vĩnh Tường hoặc tương đương | Đảm bảo theo hồ sơ thiết kế | | | | |
| 22 | Tấm vách Compact | Việt Nam | Đảm bảo theo hồ sơ thiết kế | | | | |
| 23 | Đèn các loại | Việt Nam | Đảm bảo theo hồ sơ thiết kế | | | | |

4. Các yêu cầu về trình tự thi công, lắp đặt; biện pháp bảo đảm chất lượng:

4.1. Về trình tự thi công, lắp đặt: Theo yêu cầu của thiết kế và các quy định hiện hành.

4.2. Biện pháp bảo đảm chất lượng:

a) Quản lý về chất lượng vật tư.

- Tìm nguồn cung cấp vật liệu xây dựng, bán thành phẩm, cấu kiện bảo đảm tiêu chuẩn chất lượng, tổ chức kiểm tra thí nghiệm vật liệu theo quy định, trình KSTV giám sát chấp thuận trước khi đưa công trình.

- Nêu các quy trình kiểm tra chất lượng vật tư, tiếp nhận, lưu kho, bảo quản. Quy trình phải đảm bảo kiểm soát được khối lượng nhập vào công trình và khối lượng vật tư đưa vào thi công. Các biện pháp lưu kho phải đáp ứng cung cấp đủ cho thời gian thi công trong vòng 1 tuần. Các biện pháp bảo quản vật liệu, công trình khi tạm dừng thi công, khi mưa bão,...

b) Quản lý chất lượng cho từng loại công tác thi công:

- Lập quy trình thi công cho các công tác sau: cốp pha, đà giáo, cốt thép, bê tông, xây, trát, ốp, lát, chống thấm, lắp đặt thiết bị...

- Quy trình lập và quản lý các hồ sơ, tài liệu có liên quan trong quá trình thi công xây dựng, nghiệm thu; hình thức và nội dung nhật ký thi công xây dựng công trình; quy trình và hình thức báo cáo nội bộ, báo cáo Chủ đầu tư; phát hành và xử lý các văn bản thông báo ý kiến của Nhà thầu thi công xây dựng, kiến nghị và khiếu nại với Chủ đầu tư và với các bên có liên quan.

- Kế hoạch và phương thức kiểm soát chất lượng, đảm bảo chất lượng công trình bao gồm:

- Kiểm soát và đảm bảo chất lượng vật tư, vật liệu, cấu kiện, sản phẩm xây dựng, thiết bị công trình và thiết bị công nghệ được sử dụng, lắp đặt vào công trình.

- Kiểm soát và đảm bảo chất lượng, đảm bảo an toàn công tác thi công xây dựng.

- Hình thức giám sát, quản lý chất lượng nội bộ và tổ chức nghiệm thu nội bộ.

Kế hoạch tổ chức thí nghiệm và kiểm định chất lượng; quan trắc, đo đạc các thông số kỹ thuật của công trình theo yêu cầu thiết kế.

c) Quản lý tài liệu:

- Nêu các biện pháp lưu trữ hồ sơ đáp ứng các yêu cầu sau:

- Hồ sơ, bản vẽ; sổ nhật ký công trình, biên bản thí nghiệm vật liệu xây dựng, cấu kiện, bán thành phẩm xây dựng, biên bản kiểm tra, nghiệm thu hoàn công và

các văn bản có liên quan khác đều phải được cập nhật thường xuyên và bảo quản tránh mất mát hư hỏng.

- Các Hồ sơ trên phải được lưu giữ thành hệ thống, phân chia khoa học theo từng hạng mục, từng giai đoạn.

- Các tập Hồ sơ yêu cầu có danh mục cụ thể cho các tài liệu bên trong.

d) Công tác thí nghiệm hiện trường.

- Để phục vụ công tác thí nghiệm nhà thầu cần có 1 bộ phận thí nghiệm tại hiện trường và đề xuất 01 phòng thí nghiệm được Bộ xây dựng hoặc Sở Xây dựng công nhận hợp chuẩn. Phòng thí nghiệm phải có tài liệu chứng minh được công nhận tối thiểu các phép thử sau:

- Thí nghiệm tính chất cơ lý của cốt liệu, bê tông, vữa.

- Thí nghiệm và các phép thử kim loại và mối hàn.

- Thí nghiệm cốt liệu cát, đá.

- Thí nghiệm gạch nung, gạch không nung, gạch xi măng.

- Thí nghiệm gạch ốp, lát.

- Bộ phận thí nghiệm hiện trường và thiết bị phục vụ các công tác thí nghiệm tại hiện trường. Thiết bị thí nghiệm tại hiện trường tối thiểu phải có những thiết bị sau: Thiết bị kiểm tra sơ bộ cường độ bê tông, thước thép, côn đo độ sụt, thước đo thẳng bằng, thiết bị đo quang học.

5. Các yêu cầu về vận hành thử nghiệm, an toàn: Sau khi thi công xây dựng xong công trình Nhà thầu phải có kế hoạch đào tạo, nội dung đào tạo chuyển giao công nghệ cho Chủ đầu tư.

6. Các yêu cầu về an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ:

Trong suốt quá trình thi công và sửa chữa những sai sót thi công, nhà thầu phải:

- + Quan tâm đầy đủ đến an toàn của người làm việc trên công trường và bảo vệ công trình.

- + Cung cấp và bảo quản hệ thống chiếu sáng, bảo vệ rào tạm, hệ thống báo động cho bảo vệ an ninh công trình.

- + Áp dụng toàn bộ các biện pháp hợp lý để bảo vệ môi trường thi công, không làm ảnh hưởng đến các hoạt động công cộng và cá nhân khác do biện pháp thi công của nhà thầu gây ra.

- + Có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng bao gồm môi trường không khí, môi trường nước, chất thải rắn, tiếng ồn và các yêu cầu khác về vệ sinh môi trường;

- + Bồi thường thiệt hại do những vi phạm về vệ sinh môi trường do mình gây ra trong quá trình thi công xây dựng và vận chuyển vật liệu xây dựng;

- + Tuân theo các quy định khác của pháp luật về bảo vệ môi trường.

+ Làm việc trong phạm vi các yêu cầu được nêu trong hợp đồng và các điều kiện nêu trong hồ sơ thầu;

+ Cử đại diện đơn vị thi công tham gia các hoạt động kiểm tra vệ sinh môi trường tại công trường khi chủ đầu tư, Tư vấn giám sát tổ chức, và thực hiện các hành động khắc phục ô nhiễm dưới sự chỉ dẫn của tư vấn Giám sát, chủ đầu tư hoặc các cơ quan chức năng có thẩm quyền khác.

+ Cung cấp và cập nhật thông tin cho chủ đầu tư về các hoạt động, công việc có thể góp phần hoặc tiếp tục gây ra các tác động bất lợi đáng kể tới môi trường;

+ Khi có chỉ thị của tư vấn Giám sát, chủ đầu tư hoặc các cơ quan có chức năng thì Nhà thầu sẽ phải dừng các hoạt động xây dựng gây ra các tác động bất lợi, đề xuất và tiến hành các hoạt động khắc phục ô nhiễm môi trường và thực hiện các biện pháp thi công khác, nếu được yêu cầu, để hạn chế các tác động tới môi trường tới mức thấp nhất.

7. Biện pháp huy động nhân lực và thiết bị phục vụ thi công;

+ Nhà thầu phải huy động các nhân sự chủ chốt và sử dụng các thiết bị đã cam kết để thực hiện công trình hoặc huy động các nhân sự hay thiết bị khác được Chủ đầu tư chấp thuận. Chủ đầu tư sẽ chỉ chấp thuận đề xuất thay thế nhân sự chủ chốt và thiết bị trong trường hợp kinh nghiệm, năng lực của nhân sự và chất lượng, tính năng của thiết bị thay thế về cơ bản bằng hoặc cao hơn so với đề xuất trong HSDT.

+ Nếu Chủ đầu tư yêu cầu Nhà thầu cho một cán bộ/nhân viên của Nhà thầu thôi việc với lý do chính đáng, thì Nhà thầu phải bảo đảm rằng người đó sẽ rời khỏi công trường trong vòng 7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư và không còn được thực hiện bất kỳ công việc nào liên quan đến hợp đồng.

+ Nếu Chủ đầu tư xác định được một cán bộ/nhân viên nào của Nhà thầu tham gia các hành vi tham nhũng, gian lận, thông đồng, ép buộc hoặc gây trở ngại trong quá trình thực hiện công trình thì nhân viên đó sẽ bị buộc thôi việc.

8. Yêu cầu về công tác bảo hành:

- Nhà thầu phải có trách nhiệm bảo hành công trình, bảo hành thiết bị lắp đặt cho công trình theo quy định. Thời hạn bảo hành công trình tối thiểu 12 tháng kể từ ngày CĐT, nhà thầu và các bên liên quan ký biên bản nghiệm thu bàn giao đưa công trình/ hạng mục công trình vào sử dụng;

- Trong thời hạn bảo hành công trình, trong thời hạn tối đa là 05 ngày kể từ khi nhận được thông báo của CĐT (bằng văn bản) nhà thầu bằng chi phí của mình sửa chữa ngay các sai sót. Nếu nhà thầu không tiến hành bảo hành theo cam kết (hoặc có nhưng không đáp ứng yêu cầu, được CĐT chấp thuận) thì CĐT có quyền thuê tổ chức, cá nhân khác thực hiện, mọi kinh phí được trừ vào kinh phí của nhà thầu mà không cần ý kiến chấp nhận của nhà thầu.

- Trong thời hạn 02 ngày kể từ khi nhận được thông báo của CĐT, Nhà thầu phải lập kế hoạch, biện pháp bảo hành công trình trình CĐT để được chấp thuận

và phối hợp thực hiện;

- Nhà thầu có quyền từ chối bảo hành trong các trường hợp hư hỏng phát sinh không phải do lỗi của nhà thầu gây ra hoặc do nguyên nhân bất khả kháng.

9. Phần chỉ dẫn kỹ thuật thi công cho các công tác chủ yếu

9.1. Biện pháp phá dỡ vận chuyển phế thải, vận chuyển vật tư/vật liệu đảm bảo an toàn Tòa nhà

Nhà thầu phải có biện pháp vận chuyển phế thải, vật tư, vật liệu, ra, vào công trình đảm bảo an toàn thiết bị, tài sản của tòa nhà.

9.2. Thi công hoàn thiện công tác xây dựng

- Biện pháp thi công ván khuôn, bê tông, cốt thép
- Biện pháp thi công xây tường.
- Biện pháp thi công trát tường, láng nền, chống thấm
- Biện pháp thi công sơn, bả;
- Biện pháp thi công lắp đặt cửa;
- Biện pháp lắp đặt thiết bị điện nước

9.3. Các biện pháp thi công lắp đặt hệ thống kỹ thuật

- Biện pháp thi công, lắp đặt các thiết bị của các hệ thống: Điều hòa không khí, hệ thống phòng cháy chữa cháy.

IV. Các bản vẽ: Nhà thầu sẽ nhận được 1 tập bản vẽ đính kèm File chứa tất cả các bản vẽ của công trình.